

Bản án số: **100 /2023/HNGĐ - ST**
Ngày: 16/8/2023
Về việc: “ *Ly hôn và tranh chấp
Hợp đồng tín dụng* ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Săng.
2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị HT**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp BT1, xã TTr, huyện BÐ, tỉnh BT.

- Bị đơn: Ông **Trần Vũ Ph**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp BT1, xã TTr, huyện BÐ, tỉnh BT.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Chính sách xã hội**

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc.

Ông Dương Quyết Thắng ủy quyền cho ông Bùi Ng – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện BD, tỉnh BT theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ông Bùi Ng ủy quyền lại cho ông Lê TH, sinh năm 1981, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện BD theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2023. Ông H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01/03/2023, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị HT trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Vũ Ph cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTr, huyện BD, tỉnh BT vào ngày 04/10/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cãi vã, có xảy ra xô xát. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn được với ông Ph nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Vũ Ph.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị KT, sinh ngày 25/11/2001. Khi ly hôn, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Trần Vũ Ph có vay Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện BD số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và hiện nay còn nợ. Khi ly hôn bà yêu cầu mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch BD.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2023 bị đơn ông Trần Vũ Ph trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Thi quen, cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTr, huyện BD, tỉnh BT vào ngày 04/10/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, ông và bà Thi thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế. Nay, bà Thi yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý do ông còn thương bà Thi và con.

Về con chung: Ông và bà Võ Thị HT có 01 con chung tên Trần Thị KT, sinh ngày 25/11/2001. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Ông và bà Võ Thị HT tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông Trần Vũ Ph thừa nhận ông và bà Thi có vay Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện BD số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), ông đồng ý mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2023, bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội – Phòng giao dịch BD:*

Vào ngày 09/06/2020 bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph đã vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện BD, với số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) cho vay hộ thoát nghèo, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 09/06/2025, lãi suất 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi vay. Tính đến ngày 16/8/2023 bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc là 90.000.000 đồng và số tiền lãi là 142.000 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện BD yêu cầu bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph có trách nhiệm trả hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng và còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, tính từ ngày 17/8/2023 cho đến khi bà Thi, ông Ph hoàn tất số nợ.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD có ý kiến:*

** Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán:*

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Thi và anh Ph chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Thi yêu cầu ly hôn vì vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Thi thì anh Ph không đồng ý vì anh còn thương vợ con. Tuy nhiên, chị Thi vẫn kiên quyết ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, giữa hai người không thể hàn gắn tình cảm nên việc tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thi đối với anh Trần Vũ Ph.

Con chung: Có 01 con chung là Trần Thị KT, sinh ngày 25/11/2001, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét đến.

Tài sản chung: chị Thi và anh Ph thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét đến.

Nợ chung: chị Thi và anh Ph khai thống nhất là có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện BD số tiền 90.000.000 đồng và lãi phát sinh. Chị Thi và anh Ph thống nhất là mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên nên ghi nhận. Cụ thể chị Thi và anh Ph mỗi người trả cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện BD 45.071.000 đồng (vốn gốc 45.000.000 đồng và lãi 71.000 đồng), và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, VKSND huyện BD đề nghị HĐXX:

Áp dụng; Điều 51, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị HT đối với anh Trần Vũ Ph.

Con chung: Đã thành niên nên không xét đến.

Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xét đến.

Nợ chung: Chị Thi và anh Ph mỗi người trả cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện BD 45.071.000 đồng (vốn gốc 45.000.000 đồng và lãi 71.000 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Võ Thị HT khởi kiện bị đơn ông Trần Vũ Ph. Ông Trần Vũ Ph có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp BT1, xã TTr, huyện BĐ, tỉnh BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Trần Vũ Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph cưới nhau vào ngày 10/4/2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTr, huyện BĐ, tỉnh BT theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Thi và ông Ph được công nhận là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Thi và ông Ph chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, thường xuyên cãi vã và có xảy ra xô xát nên đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Tuy nhiên, bà Thi vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù, ông Ph không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy bà Thi và ông Ph đã không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Thi yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị HT.

[4] *Về con chung:* Quá trình sống chung, bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph có 01 con chung tên Trần Thị KT, sinh ngày 25/11/2001. Khi ly hôn, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] *Về tài sản chung:* Bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện BD. Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Căn cứ vào hồ sơ vay vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch BD cung cấp, qua xác minh trong quá trình làm việc với ông Trần Vũ Ph và lời trình bày tại phiên tòa của bà Võ Thị HT xác định được rằng bà Thi và ông Ph còn nợ số tiền vốn là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) ; mục đích vay tiền để vợ chồng nuôi bò nhằm mục đích thoát nghèo. Tính đến ngày xét xử ngày 16/8/2023 thì vợ chồng bà Thi, ông Ph còn nợ lãi với số tiền 142.000 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng Giao dịch BD yêu cầu vợ chồng bà Thi, ông Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn còn nợ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), lãi tính đến ngày 16/8/2023 là 142.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã vay là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do bà Thi, ông Ph đã được Tòa án xét xử cho ly hôn do đó, phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện BD có thể phân chia ra thành mỗi người có một phần nghĩa vụ nhất định và riêng rẽ của ông Ph, bà Thi mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ riêng rẽ của mình theo quy định tại Điều 280, 287 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà Thi, ông Ph mỗi người phải có nghĩa vụ riêng rẽ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện BD tính đến ngày 16/8/2023 là 45.071.000 đồng (vốn gốc 45.000.000 đồng và lãi 71.000 đồng), và lãi suất phát sinh cho đến khi trả tất nợ.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Võ Thị HT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Võ Thị HT phải chịu 2.253.500 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng). Ông Trần Vũ Ph phải chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 51, 56, 57 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 280, 287 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị HT đối với ông Trần Vũ Ph. Cho bà Võ Thị HT được ly hôn với ông Trần Vũ Ph.

2. *Về con chung:* Bà Võ Thị HT và ông Trần Vũ Ph có 01 con chung tên Trần Thị KT, sinh ngày 25/11/2001. Khi ly hôn, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xét đến.

3. *Về tài sản chung:* Bà Võ Thị HT khai thống nhất tự thỏa thuận, nên không xét đến.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện BD.

Buộc bà Võ Thị HT, ông Trần Vũ Ph mỗi người phải có nghĩa vụ riêng rẽ trả cho Ngân hàng Chính Sách xã hội – Phòng Giao dịch BD số tiền còn nợ tính đến ngày 16/8/2023 là 45.071.000 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi một ngàn đồng) và còn phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 17/8/2023 cho đến khi hoàn tất số nợ.

5. *Về án phí:*

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Võ Thị HT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thi đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002205 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy, bà Võ Thị HT đã nộp đủ.

- *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Bà Võ Thị HT phải chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Trần Vũ Ph phải chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bà Võ Thị HT Ngân hàng Chính sách Xã hội – Phòng Giao dịch BD có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm)

ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Vũ Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến T (phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- UBND xã Thới Th (số 05 ngày 19/01/2003);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Loan